

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu biến đổi chậm theo triều, khu vực nội đồng mực nước biến đổi với xu thế xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước lên chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 01/3 đều thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 20-35cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước xuống chậm, mực nước cao nhất ngày 01/3 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 30-40cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch biến đổi chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 01/3 phổ biến ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-40cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 01/3 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 55cm, lên 08cm so với đỉnh triều ngày hôm

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh lên chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước trên các sông, kênh, rạch lên nhanh theo triều trong 5 ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong 1-2 ngày đầu, sau xuống chậm.
- Vùng cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm theo xu thế triều biển Tây trong những ngày tới.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sông, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 03/3/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phan Minh Đạt

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng		So với		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	01/3		28/02		kỳ 2025		TBNN		02/3	03/3	04/3	05/3	06/3
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	125	2	▲	-28	▼	10	▲	128	134	139	143	145
					Hmin	-28	9	▲	-19	▼	-44	▼	-24	-20	-14	-9	-7
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	127	-2	▼	-38	▼	17	▲	130	136	141	145	147
					Hmin	-51	3	▲	-29	▼	-40	▼	-47	-43	-37	-32	-28
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	107	3	▲	-21	▼	2	▲	109	113	118	120	123
					Hmin	20	7	▲	-18	▼	-16	▼	16	18	22	27	30
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	136	1	▲	-36	▼	17	▲	139	145	150	155	158
					Hmin	-38	5	▲	-29	▼	-48	▼	-34	-30	-24	-19	-17
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	142	0	◀▶	-37	▼	23	▲	145	151	156	160	162
					Hmin	-46	2	▲	-24	▼	-25	▼	-43	-39	-33	-28	-26
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	131	-3	▼	-34	▼	13	▲	134	140	145	149	151
					Hmin	-45	3	▲	-22	▼	-43	▼	-40	-36	-30	-25	-23
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	58	-2	▼	11	▲	18	▲	56	55	53	51	49
					Hmin	33	-1	▼	16	▲	17	▲	30	29	28	27	26
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	52	0	◀▶	22	▲	22	▲	51	50	48	46	44
					Hmin	45	0	◀▶	20	▲	19	▲	43	42	39	38	37
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	56	0	◀▶	19	▲	16	▲	55	54	52	50	48
					Hmin	53	1	▲	17	▲	17	▲	51	50	47	46	45
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	59	0	◀▶	20	▲	21	▲	58	57	55	53	51
					Hmin	55	1	▲	17	▲	21	▲	53	52	49	48	47
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	68	1	▲	19	▲	23	▲	67	66	64	62	60
					Hmin	62	1	▲	18	▲	22	▲	60	59	56	55	54
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	65	-2	▼	11	▲	23	▲	63	62	60	58	56
					Hmin	36	0	◀▶	12	▲	17	▲	33	32	31	30	28
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	79	-2	▼	17	▲	39	▲	78	77	75	73	71
					Hmin	59	-1	▼	13	▲	29	▲	57	56	53	52	51
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	66	0	◀▶	12	▲	19	▲	65	64	62	60	58
					Hmin	57	0	◀▶	6	▲	19	▲	55	54	51	50	49
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	52	1	▲	21	▲	29	▲	51	50	48	46	44
					Hmin	42	2	▲	20	▲	25	▲	40	39	36	35	34
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	94	-3	▼	15	▲	38	▲	93	92	90	88	86
					Hmin	72	-1	▼	10	▲	31	▲	70	69	66	65	64
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	113	-2	▼	1	▲	34	▲	112	111	109	107	105
					Hmin	62	-1	▼	3	▲	19	▲	60	59	56	55	54

Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	88	-3	▼	8	▲	24	▲	87	86	84	82	80
					Hmin	55	-3	▼	2	▲	10	▲	53	52	49	48	47
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	73	-2	▼	9	▲	16	▲	72	71	69	67	65
					Hmin	51	0	◀▶	-1	▼	8	▲	49	48	45	44	43
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	56	-1	▼	6	▲	18	▲	55	54	52	50	48
					Hmin	35	-1	▼	-5	▼	15	▲	33	32	29	28	27
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	37	0	◀▶	3	▲	2	▲	38	39	39	40	38
					Hmin	-4	13	▲	-18	▼	12	▲	-3	-4	-6	-4	-2
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	55	8	▲	1	▲	14	▲	58	56	51	48	44
					Hmin	-35	2	▲	-16	▼	-5	▼	-38	-35	-33	-29	-25

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ▶◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





